TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI** Bản án số: 27/2025/DS-ST Ngày 20/8/2025 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nguyên.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bạch Quảng;
2. Bà Ngô Thị Thao

Thư ký phiên tòa: Ông Mai Thành Long - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2025, tại: Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 04/4/1974. CCCD số: 064174000283. Địa chỉ: Số B T, phường H, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Rơ Chăm Y Ngọc L, sinh năm 1980 và ông Trần Văn T, cùng địa chỉ: D N, phường H, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 4 năm 2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Ngày 10/5/2019, bà Rơ Chăm Y Ngọc L vay của bà H số tiền 20.000.000 đồng, có lập giấy mượn tiền viết tay, thời hạn trả nợ đến ngày 06/8/2019. Ông Trần Văn T đi cùng và ký tên xác nhận vào giấy vay. Khi vay, bà L giao cho bà H 01 sổ hộ khẩu và CMND để làm tin, nhưng sau đó bà H đã trả lại vì không có giá trị pháp lý bảo đảm khoản vay.

Hai bên có thỏa thuận về việc vay có lãi nhưng không ghi mức lãi suất trong giấy vay; trên thực tế lãi suất thỏa thuận là 600.000 đồng/tháng trên số tiền vay là 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, do khoản lãi suất này vượt quá quy định pháp luật, nay bà H chỉ yêu cầu tính lãi 10%/năm. Từ khi vay đến nay, bà L không trả gốc, cũng không thanh toán lãi.

Trước đây, bà H khởi kiện yêu cầu bà L và ông T cùng liên đới trả nợ do hai người giới thiệu là vợ chồng. Nhưng kết quả xác minh cho thấy không có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân, nên bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà L trả nợ. Cụ thể, bà H yêu cầu buộc bà L trả 20.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính từ ngày 07/8/2019 (ngày đến hạn trả nợ) đến ngày xét xử sơ thẩm 20/8/2025 với mức 10%/năm, số tiền lãi 12.071.233 đồng, tổng cộng 32.071.233 đồng. Bà H không yêu cầu tỉnh lãi kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong khoản nợ.

Bà H cam đoan lời khai trên là đúng sự thật, nếu sai sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tống đạt cho bà Rơ Chăm Y Ngọc L và ông Trần Văn T các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham dự phiên tòa. Tuy nhiên, bà L và ông T đều vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai tham gia phiên tòa:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm nghị án.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Rơ Chăm Y Ngọc L phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền gốc và lãi tổng cộng 32.071.233 đồng; đồng thời chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Trần Văn T phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét thấy, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu bà Rơ Chăm Y Ngọc L trả tiền vay. Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là phường H, tỉnh Gia Lai) nên căn cứ khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Văn T, chỉ giữ yêu cầu buộc bà Rơ Chăm Y Ngọc L thanh toán toàn bộ khoản vay. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 và Điều 245 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Văn T và xác định ông T không còn là đương sự trong vụ án; nếu sau này bà H khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Các đương sự không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[1.3] Bị đơn bà Rơ Chăm Y Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Căn cứ Giấy mượn tiền ngày 10/5/2019 có chữ ký của bà Rơ Chăm Y Ngọc L, thể hiện bà L có vay của bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 20.000.000 đồng. Trong giấy mượn tiền, bà L khai địa chỉ cư trú tại số D N, thành phố P, tỉnh Gia Lai; địa chỉ này phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án tại nơi cư trú của bị đơn (bút lục số 22). Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L vắng mặt và không có bất kỳ ý kiến phản đối nào đối với yêu cầu khởi kiện, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định giữa bà H và bà L có phát sinh quan hệ vay tài sản theo Giấy mượn tiền ngày 10/5/2019.

[2.2] Việc vay tiền là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung của giao dịch phù hợp với quy định tại Điều 117 và Điều 463 Bộ luật Dân sự, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh nghĩa vụ trả nợ cho bên vay.

[2.3] Theo Điều 466 Bộ luật Dân sự, bên vay có nghĩa vụ trả đủ tiền khi đến hạn. Bà Rơ Chăm Y Ngọc L đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận, do đó phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Thu H toàn bộ số tiền gốc 20.000.000 đồng.

[2.4] Về lãi suất:

Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 07/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (20/8/2025), với mức lãi suất 10%/năm, tổng số tiền lãi là 12.071.233 đồng.

Xét thấy, theo khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự, trường hợp bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ, không đúng hạn thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận; nếu không có thỏa thuận thì áp dụng mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trong vụ án này, các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ mức lãi suất trong Giấy mượn tiền. Nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức 10%/năm, thấp hơn mức lãi suất giới hạn theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (20%/năm của khoản tiền vay).

Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền lãi 12.071.233 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Như vậy, bà Rơ Chăm Y Ngọc L phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi 12.071.233 đồng, tổng cộng 32.071.233 đồng.

[2.6] Về phản tố của bị đơn: Bị đơn không có yêu cầu phản tố; do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.7] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà Rơ Chăm Y Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán là 32.071.233 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[3] Về ý kiến của Viện kiểm sát: Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 227, 228, 244, 245, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 117, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H.

Buộc bà Rơ Chăm Y Ngọc L phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu H tổng số tiền **32.071.233 đồng**, gồm: Nợ gốc: 20.000.000 đồng và tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm: 12.071.233 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H về việc buộc ông Trần Văn T phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ông Trần Văn T không còn là đương sự trong vụ án. Nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Rơ Chăm Y Ngọc L phải chịu 1.603.562 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 783.220 đồng theo biên lai thu tiền số 001585 ngày 08/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7 - Gia Lai).

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Rơ Chăm Y Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 7 – Gia Lai;
- Phòng THADS Khu vực 7 – Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Vũ Đình Nguyên